

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 /2016/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2012; Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCTP ngày 16 tháng 03 năm 2012 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ về quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng, và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 20/TTr-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố về việc Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Kinh phí thực hiện một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được cân đối, bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2016; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016 và thay thế Nghị quyết số 41/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2013 về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Anh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại thành phố Đà Nẵng

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38 /2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, kỳ họp thứ hai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại thành phố Đà Nẵng gồm:

1. Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết;
2. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương;
3. Chi cho công tác giám sát, khảo sát;
4. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo;
5. Chi tiếp xúc cử tri;
6. Chế độ chi xây dựng Nghị quyết của HĐND; xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm; chi xây dựng báo cáo Đảng đoàn HĐND, Thường trực HĐND, các ban Hội đồng nhân dân
7. Chế độ chi kỳ họp, phiên họp của Đảng đoàn, Thường trực Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp;
8. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân;
9. Chế độ chi công tác xã hội;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ chi tiêu được áp dụng đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, các ban của Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác tham gia phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo yêu cầu.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng quy định.

2. Các chế độ chi tiêu khác đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp chưa có trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Riêng đối với các khoản chi đặc thù, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm và tình hình thực tế của Hội đồng nhân dân cấp mình để quyết định cụ thể.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 4. Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết

1. Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo Nghị quyết.

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp quận, huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp phường, xã: 200.000 đồng/báo cáo.

2. Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra (áp dụng cho cả ba cấp):

- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi;
- Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi;

3. Chi ý kiến tham luận bằng văn bản đối với báo cáo thẩm tra, mức chi:

- Cấp thành phố: 200.000 đồng/văn bản;
- Cấp quận, huyện: 150.000 đồng/văn bản;
- Cấp phường, xã: 100.000 đồng/văn bản.

Điều 5. Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật

1. Chi cho các tổ chức, cá nhân để nghiên cứu góp ý bằng văn bản.

Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của của dự án Luật, Thường trực HĐND ký hợp đồng với chuyên gia với mức chi tối đa như sau:

- Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- Cấp quận, huyện: 700.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã, phường: 500.000 đồng/báo cáo.

2. Chi họp góp ý: Thực hiện theo chế độ tổ chức họp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

3. Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự, mức chi:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/văn bản;
- Cấp quận, huyện: 300.000 đồng/văn bản;
- Cấp xã, phường: 200.000 đồng/văn bản.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia, mức chi:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp quận, huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã, phường: 200.000 đồng/báo cáo.

Điều 6. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

1. Chi cho Đoàn giám sát, khảo sát.

a) Chi xây dựng văn bản giám sát:

* Đối với hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân:

- Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát), mức chi:

- + Cấp thành phố: 1.500.000 đồng/bộ văn bản;
- + Cấp quận, huyện: 700.000 đồng/bộ văn bản;
- + Cấp phường, xã: 300.000 đồng/bộ văn bản.

- Chi xây dựng báo cáo kết quả Đoàn giám sát, mức chi:

- + Cấp thành phố: 1.500.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 700.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 300.000 đồng/báo cáo.

* Đối với hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân:

- Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát), mức chi:

- + Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/bộ văn bản;
- + Cấp quận, huyện: 500.000 đồng/bộ văn bản;
- + Cấp phường, xã: 200.000 đồng/bộ văn bản.

- Chi xây dựng báo cáo kết quả Đoàn giám sát, mức chi:

- + Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 500.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 200.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát: Mức chi bằng 2/3 mức chi cho xây dựng văn bản giám sát quy định tại điểm a, khoản này.

c) Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát:

Trong thời gian thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ chi đối với thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát như sau:

- Trưởng đoàn giám sát, khảo sát:

- + Cấp thành phố: 150.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp quận, huyện: 100.000 đồng/buổi;
- + Cấp phường, xã: 70.000 đồng/buổi.

- Thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát theo danh sách mời:
 - + Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp quận, huyện: 80.000 đồng/buổi;
 - + Cấp phường, xã: 50.000 đồng/buổi.
- Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ đoàn trực tiếp:
 - + Cấp thành phố: 80.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp quận, huyện: 60.000 đồng/buổi;
 - + Cấp phường, xã: 40.000 đồng/buổi.
- Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp:
 - + Cấp thành phố: 50.000 đồng/người/buổi;
 - + Cấp quận, huyện: 40.000 đồng/buổi;
 - + Cấp phường, xã: 30.000 đồng/buổi.

d) Chi các cuộc họp giám sát, khảo sát

Ngoài thời gian hưởng theo quy định tại điểm c khoản này, chi các cuộc họp giám sát, khảo sát thực hiện theo chế độ tổ chức họp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

đ) Chi mời chuyên gia phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát:

Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các ban HĐND (trên cơ sở có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND) ký hợp đồng với chuyên gia, mức chi tối đa:

- + Cấp thành phố: 2.000.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 500.000 đồng/báo cáo.

2. Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật: Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước về chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

3. Chế độ chi giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo.

a) Chi xây dựng báo cáo giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trình Thường trực HĐND, mức chi:

- Cấp thành phố: 400.000 đồng/báo cáo;
- Cấp quận, huyện: 200.000 đồng/báo cáo;
- Cấp phường, xã: 100.000 đồng/báo cáo

b) Chi đi xác minh, thu thập thông tin (ngoài công tác phí):

- Cấp thành phố: 80.000 đồng/người/buổi;
- Cấp quận, huyện, phường, xã: 50.000 đồng/người/buổi.

4. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình.

a) Chi xây dựng bộ hồ sơ chất vấn (tổng hợp ý kiến chất vấn, kế hoạch chi tiết phiên giải trình) tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, mức chi:

- + Cấp thành phố: 800.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 400.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 200.000 đồng/báo cáo.

b) Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình:

- + Cấp thành phố: 500.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 200.000 đồng/báo cáo.

Điều 7. Chi tiếp xúc cử tri

1. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri nhằm trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác:

- Cấp thành phố: 2.500.000 đồng/điểm;
- Cấp quận, huyện: 1.500.000 đồng/điểm;
- Cấp phường, xã: 1.000.000 đồng/điểm.

Trong trường hợp có sự phối hợp tiếp xúc cử tri đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp thì chỉ được thực hiện hỗ trợ của cấp cao nhất.

2. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định pháp luật hiện hành, thực hiện hỗ trợ tiếp xúc cử tri với mức chi như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các cấp không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân (người làm công tác tổ chức; người có trách nhiệm trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri, thư ký tổng hợp):

- Cấp thành phố: 200.000 đồng/người/buổi;
- Cấp quận, huyện: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp phường, xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ, mức chi:

- + Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi
- + Cấp quận, huyện: 80.000 đồng/người/buổi;
- + Cấp phường, xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

- + Cấp thành phố: 200.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 100.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 50.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân, mức chi:

- + Cấp thành phố: 400.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 200.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 150.000 đồng/báo cáo.

5. Chi sinh hoạt, họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trước và sau khi tiếp xúc cử tri, mức chi:

- + Cấp thành phố: 2.000.000 đồng/tổ/kỳ họp;
- + Cấp quận, huyện: 1.000.000 đồng/tổ/kỳ họp;
- + Cấp phường, xã: 500.000 đồng/tổ/kỳ họp.

Điều 8. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

1. Chi tiếp công dân (áp dụng cho cả 03 cấp):

- a) Đại biểu HĐND và cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra: 100.000 đồng/người/ngày;
- b) Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra: 80.000 đồng/người/ngày;
- c) Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp: 50.000 đồng/người/ngày.

2. Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ khiếu nại, tố cáo trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sau khi tiếp công dân:

- + Cấp thành phố: 300.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp quận, huyện: 200.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp phường, xã: 100.000 đồng/báo cáo.

Điều 9. Chi xây dựng Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân

1. Chi xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết (văn bản QPPL) của Hội đồng nhân dân, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTP-BTC của Liên Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính.

2. Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân thông qua, mức chi là 150.000 đồng/nghị quyết (áp dụng cho cả 3 cấp).

3. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch, tờ trình, báo cáo công tác nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân:

- Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- Cấp quận, huyện: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp phường, xã: 300.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng chương trình, kế hoạch, tờ trình, báo cáo công tác hàng năm, định kỳ của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, mức chi:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp quận, huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp phường, xã: 200.000 đồng/báo cáo.

Điều 10. Chế độ chi kỳ họp, phiên họp của Đảng đoàn, Thường trực Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp

1. Chế độ chi kỳ họp Hội đồng nhân dân (áp dụng cho cả 03 cấp):

- Chủ trì kỳ họp: 200.000 đồng/người/buổi;
- Thư ký kỳ họp: 150.000 đồng/người/buổi;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham dự kỳ họp theo danh sách mời: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi;

2. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp quận, huyện: 300.000 đồng/báo cáo;
- Cấp phường, xã: 200.000 đồng/báo cáo.

3. Chế độ chi cuộc họp của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, mức chi:

a) Chủ trì cuộc họp:

- Cấp thành phố: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp quận, huyện: 100.000 đồng/người/buổi
- Cấp phường, xã: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên dự họp:

- Cấp thành phố: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cấp quận, huyện: 70.000 đồng/người/buổi
- Cấp phường, xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 11. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân

Ngoài các chế độ, chính sách được quy định tại Điều 3 Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hưởng các chế độ như sau:

1. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân.

a) Người đang giữ các chức vụ đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh: Chủ tịch HĐND, Trưởng ban HĐND cấp thành phố và cấp quận, huyện thì được hưởng

phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng (Thực hiện theo Thông tư 78/2005/BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác).

b) Người đang giữ các chức vụ đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã thì phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm chi trả khoản phụ cấp này.

2. Chế độ hỗ trợ công tác đối với đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách:

Ngoài phụ cấp chức vụ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách được hưởng chế độ hỗ trợ công tác hàng tháng, mức hỗ trợ tính theo hệ số nhân với mức lương cơ sở tại thời điểm, cụ thể như sau:

a) Cấp thành phố:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 1,2;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 1,0;
- Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,8;
- Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,6.

b) Cấp quận, huyện:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,8
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,6;
- Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,5
- Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,4.

c) Cấp phường, xã:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,4;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,3.

3. Đại biểu HĐND được hỗ trợ thông tin liên lạc, nghiên cứu tài liệu giám sát, tài liệu kỳ họp với mức chi:

- Cấp thành phố: 300.000 đồng/người/tháng;
- Cấp quận, huyện: 150.000 đồng/người/tháng;
- Cấp phường, xã: 100.000 đồng/người/tháng.

4. Đại biểu HĐND được hỗ trợ công tác phí:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/người/tháng;
- Cấp quận, huyện: 200.000 đồng/người/tháng;
- Cấp phường, xã: 100.000 đồng/người/tháng.

5. Chi may trang phục:

a) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân:

Trong nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cấp tiền may hai bộ trang phục, với mức chi:

- Cấp thành phố: 5.000.000 đồng/bộ;
- Cấp quận, huyện: 3.000.000 đồng/bộ;
- Cấp phường, xã: 2.000.000 đồng/bộ.

Trường hợp đại biểu là đại biểu Hội đồng nhân dân 02 cấp trở lên thì được hưởng một mức cao nhất.

b) Trong nhiệm kỳ, cán bộ, công chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố; cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc trực tiếp hoạt động HĐND cấp quận, huyện, phường, xã được cấp tiền may hai bộ trang phục, với mức chi:

- Cấp thành phố: 2.000.000 đồng/bộ;
- Cấp quận, huyện: 1.500.000 đồng/bộ;
- Cấp phường, xã: 1.000.000 đồng/bộ.

6. Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm:

Ngoài các chế độ theo quy định (nếu có), đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm với mức chi:

- Cấp thành phố: 3.000.000 đồng/người/năm;
- Cấp quận, huyện: 2.000.000 đồng/người/năm.
- Cấp phường, xã: 1.000.000 đồng/người/năm.

Trường hợp đại biểu là đại biểu Hội đồng nhân dân 02 cấp trở lên thì được hưởng một mức cao nhất.

7. Chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ; chi tổ chức các đoàn đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định

Điều 12. Chế độ chi công tác xã hội

1. Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang cho đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các ban Hội đồng nhân dân, mức chi như sau:

a) Thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm) đại biểu HĐND, nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND:

- Cấp thành phố: 500.000 đồng/người/lần;
- Cấp quận, huyện: 300.000 đồng/người/lần;
- Cấp phường, xã: 200.000 đồng/người/lần.

b) Trường hợp đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm):

- Cấp thành phố: 2.000.000 đồng/người/lần;
- Cấp quận, huyện: 1.000.000 đồng/người/lần;
- Cấp phường, xã: 500.000 đồng/người/lần.

c) Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là Thường trực HĐND, lãnh đạo các ban HĐND và thân nhân (cha, mẹ, chồng hoặc vợ, con) đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Cấp thành phố: 1.000.000 đồng/người/lần;
- Cấp quận, huyện: 700.000 đồng/người/lần;
- Cấp phường, xã: 500.000 đồng/người/lần.

2. Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, phường, xã (người tham mưu, phục vụ trực tiếp hoạt động của Hội đồng nhân dân) được thực hiện chế độ thăm hỏi, phúng điếu như đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Chế độ chi thăm hỏi, phúng điếu, lễ tết đối với các đối tượng khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước, của thành phố và các định mức chi tiêu tại Quy định này, Thường trực HĐND thành phố, UBND thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Hàng năm, Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm rà soát các nội dung và định mức chi tiêu tài chính đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Quy định này, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Anh